



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Địa chỉ : Tầng 16, số 9, Hoàng Diệu, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại : 064.6253375 | Fax: 064.6253374
Website : www.pvsb.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)

SAO MAI BEN DINH
PETROLEUM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý vị cổ đông kính mến!

Chúng ta, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB) đã bước qua năm 2013 đầy khó khăn bằng việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, các chỉ số tài chính được duy trì ở mức an toàn, năng lực cạnh tranh và vị thế thương hiệu của Công ty ngày càng ổn định và bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ thiết thực của Quý khách hàng, Quý cổ đông, đặc biệt là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã dành cho Công ty PVSB.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Với quan điểm phát triển bền vững - vững bước hội nhập, với những giá trị nền tảng vững chắc đã có cùng sự khát khao cống hiến của tập thể Lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên Công ty, sự giúp đỡ ủng hộ của Quý vị cổ đông, chúng ta tin tưởng sẽ tiếp tục giành thắng lợi trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

Trân trọng./.



**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

NỘI DUNG

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY PVSb. 5

1. Lịch sử hình thành và phát triển.
2. Ngành nghề kinh doanh.
3. Mục tiêu và chiến lược phát triển.
4. Sơ đồ tổ chức.
5. Cơ cấu cổ đông.
6. Hội đồng quản trị.
7. Ban Giám đốc.
8. Ban Kiểm soát.
9. Tình hình tài chính Công ty.
10. Quản trị rủi ro.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY. 20

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013.
2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2013.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN GIÁM ĐỐC. 24

1. Tổng quan năm 2013.
2. Kết quả thực hiện.
3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
4. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư.
5. Kế hoạch năm 2014.

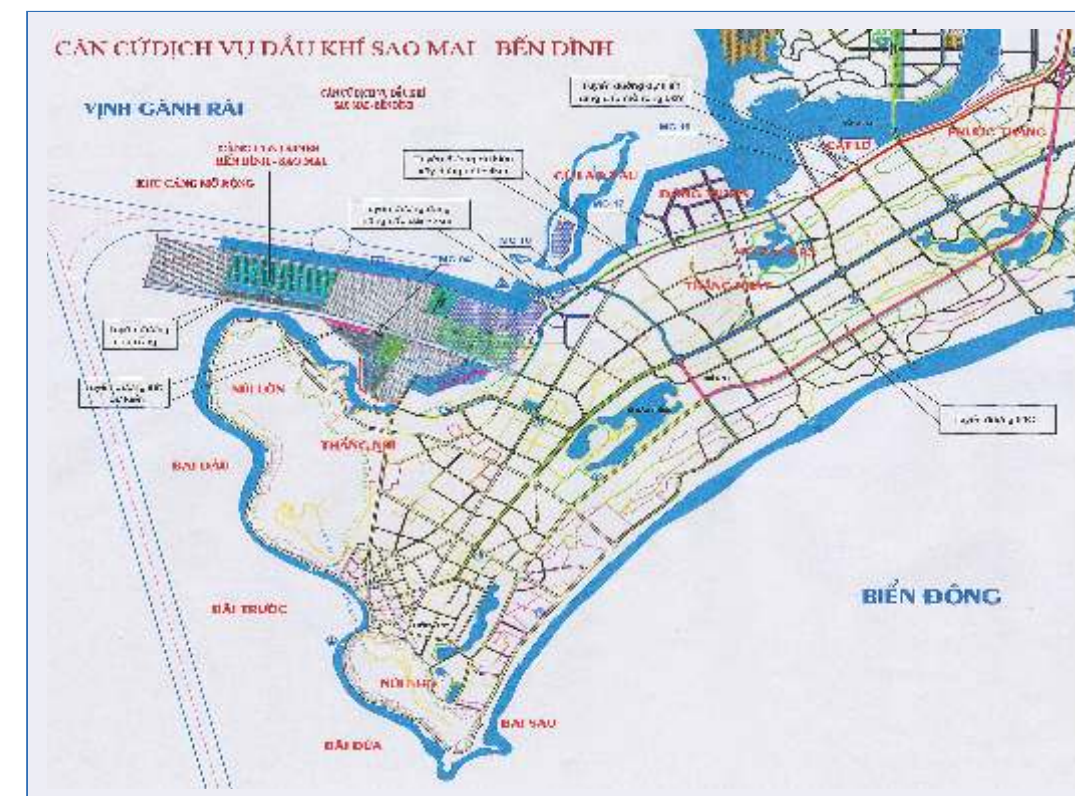
IV. MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG. 33

1. Minh bạch thông tin.
2. Quan hệ cổ đông.
3. Trách nhiệm cộng đồng.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013. 35

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY PVSb

Tên gọi	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
Tên giao dịch đối ngoại	: SAOMAI - BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC
Tên viết tắt	: PVSb
Trụ sở chính	: Tầng 16, Số 9, Hoàng Diệu, Phường 1, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT
Điện thoại	: 064.6253375
Fax	: 064.6253374
Email	: saomaibendinh@pvsb.com.vn
Website	: www.pvsb.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 21/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp).	
Vốn điều lệ	: 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)
Tổng số cổ phần	: 50.000.000 cp
Mã cổ phiếu	: PSB



Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu

1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc Thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- **06/04/2007:** Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- **07/05/2007:** Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- **25/12/2009:** Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- **26/04/2010:** Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty PVSB, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia PVSB 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- **01/01/2012:** Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty PVSB đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- **16/07/2012:** Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- **27/09/2012:** UBND Tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- 2.1. Khai thác cụm Cảng và Khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- 2.2. Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- 2.3. Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu - khí - nhiên liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng nhà các loại;

2.4. Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);

2.5. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất, phụ gia sản xuất nhựa đường; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;

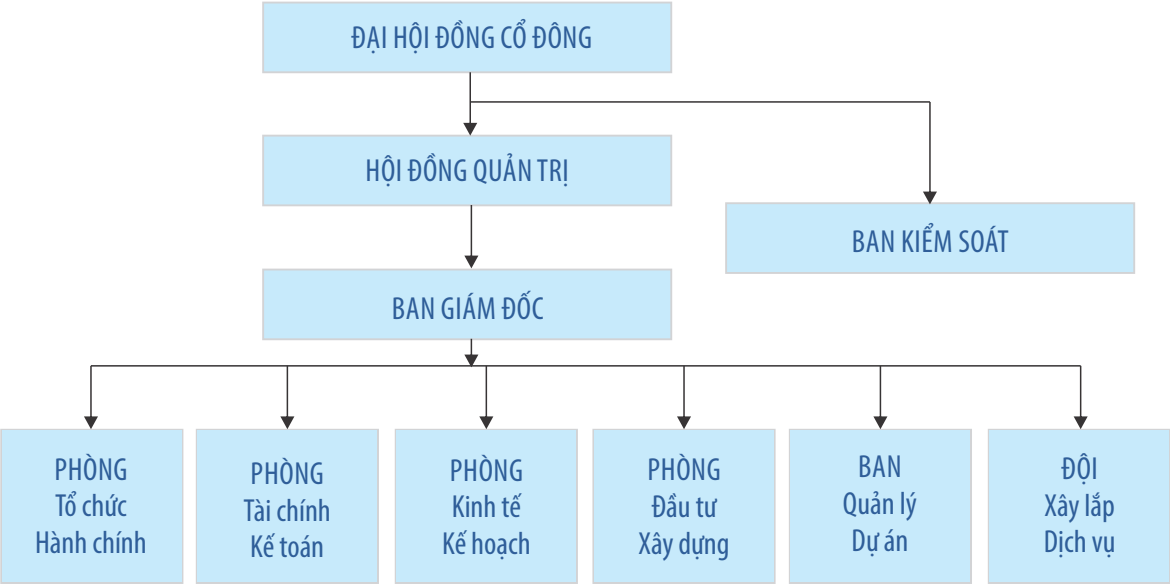
2.6. Cho thuê các phương tiện vận tải, kho bãi; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; Dịch vụ đại lý tàu biển.

3. MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

Với mục tiêu “Xây dựng PVSB trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty PVSB sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

- 3.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.
- 3.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng hiện có cho PVShipyards, PVC-MS và các khách hàng khác thuê.
- 3.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.
- 3.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ mũi nhọn có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:
 - Dịch vụ cơ khí chế tạo các công trình dầu khí và đóng tàu.
 - Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
 - Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
 - Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện nổi như tàu thuyền, giàn khoan...
 - Dịch vụ thương mại dầu khí.
 - Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.
- 3.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của đơn vị.
- 3.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 3.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, mối quan hệ rộng với mạng lưới toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của đơn vị.

4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY:



5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

5.1. Cổ phần:

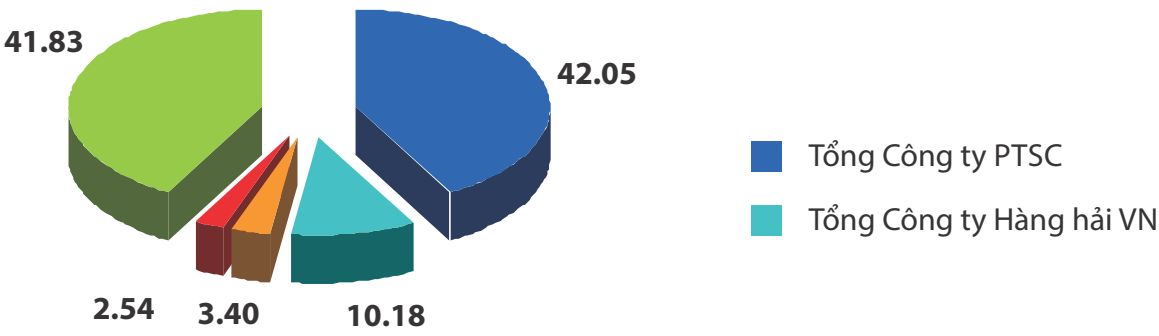
- Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/02/2014):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I. TRONG NƯỚC:			
1	Tổng Công ty PTSC	21.023.050	42,05
2	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	5.092.400	10,18
3	Ngân hàng GP Bank	1.700.000	3,40
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	1.270.400	2,54
5	Cổ đông cá nhân	20.193.315	40,39
II. NGOÀI NƯỚC:		720.835	1,44
TỔNG CỘNG		50.000.000	100,00

5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty PTSC	21.023.050	42,05
2	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	5.092.400	10,18



Gian hàng của Công ty tại Hội trợ triển lãm Máy móc thiết bị và phụ liệu công nghiệp dầu khí - OGAV 2013 do Công ty Fireworks Việt Nam tổ chức từ ngày 04-06/12/2013 tại Vũng Tàu

6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1.



Ông TRẦN HẢI BÌNH

CHỦ TỊCH

Sinh ngày: 20/10/1969 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 34.792

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1994 - 08/1997: XN Cảng PTSC Vũng Tàu.
- 09/1997 - 12/1998: XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu PTSC Vũng Tàu (PTSC).
- 01/1999 - 09/2000: Trưởng phòng Tài chính Kế toán - XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu (PTSC).
- 10/2000 - 05/2001: Phó Giám đốc phụ trách XN Kinh doanh các SP Dầu khí Tây Ninh (PTSC).
- 05/2001 - 03/2006: Kế toán Trưởng - Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- 03/2006 - 12/2006: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ (PDC).
- 01/2007 - 04/2007: Kiểm soát viên chính Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
- 04/2007 - 07/2009: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 08/2009 - đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.



Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 108.300

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 06/1991 - 05/1992: Trung tâm nghiên cứu Máy - Hà Nội.
- 06/1992 - 06/1993: XN Địa Vật lý và DVĐK - Vũng Tàu.
- 07/1993 - 07/1995: Đốc công - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 08/1995 - 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 01/2000 - 04/2001: Phó Giám đốc - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 05/2001 - 10/2001: Quyền Giám đốc - XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu - VT.
- 11/2001 - 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- 01/2004 - 01/2006: Phó Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- 02/2006 - 03/2007: Phó Tổng giám đốc - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- 04/2007 - 05/2007: Phó Tổng GĐ Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- 06/2007 - đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

3.



Ông NGUYỄN TẤN HÒA

THÀNH VIÊN

Sinh ngày: 20/02/1956 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: KS Xây dựng

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 06/1980 - 12/1981: Công ty Thiết kế Dầu khí.
- 12/1981 - 05/1993: Phòng XD CB - Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
- 06/1993 - 01/1996: Phòng Kế hoạch - Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
- 01/1996 - 01/1998: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- 02/1998 - 08/2000: Trưởng phòng Dự án Đầu tư - Công ty Chế biến và KD Sản phẩm Dầu mỏ.
- 09/2000 - 05/2001: Trưởng Ban QLDA Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ - Hải Phòng.
- 06/2001 - 02/2004: Phó Trưởng ban Đầu tư Phát triển Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam.
- 03/2004 - 02/2006: Phó Giám đốc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- 03/2006 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

4.



Ông NGUYỄN VIỆT ĐẠT

THÀNH VIÊN

Sinh ngày: 27/07/1966 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thăm dò Địa chất

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 03/1990 - 10/1990: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Hải Phòng.
- 11/1990 - 03/1993: Công ty Địa Vật lý và Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- 04/1993 - 04/2002: Phó phòng Kế hoạch Sản xuất XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.
- 05/2002 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc Ban QL Dự án Cảng PTSC Vũng Tàu.
- 01/2008 - đến nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC Vũng Tàu.

5.



Ông LÊ TRIỆU THANH

THÀNH VIÊN

Sinh ngày: 11/05/1957 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Tàu biển

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 01/1985 - 09/1996: Kỹ sư, Máy trưởng Tàu biển - Công ty Vận tải Biển - Hà Nội.
- 10/1996 - 05/2007: Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Tư vấn Hàng Hải - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.
- 06/2007 - đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.



Hội nghị tổng kết công tác Đảng, Công đoàn, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và Hội nghị Người lao động năm 2014 của Công ty

7. BAN GIÁM ĐỐC:

1.



Ông PHÙNG NHƯ DŨNG

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí.

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 108.300

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 06/1991 - 05/1992: Trung tâm nghiên cứu Máy - Hà Nội.
- 06/1992 - 06/1993: XN Địa Vật lý và DVĐK - Vũng Tàu.
- 07/1993 - 07/1995: Đốc công - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 08/1995 - 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 01/2000 - 04/2001: Phó Giám đốc - XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC - Vũng Tàu.
- 05/2001 - 10/2001: Quyền Giám đốc - XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu - VT.
- 11/2001 - 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
- 01/2004 - 01/2006: Phó Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
- 02/2006 - 03/2007: Phó Tổng giám đốc - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
- 04/2007 - 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
- 06/2007 - đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

2.



Ông ĐẶNG ĐỨC HỒI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Sinh ngày: 01/11/1962 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 2.692

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1987 - 02/1991: XN Liên hợp XL Dầu khí.
- 03/1991 - 07/1995: Kế toán Trưởng - Đội xây dựng số 6 thuộc XN Liên hợp Xây lắp Dầu khí.
- 8/1995 - 02/2001: Kế toán Trưởng - XN Thiết kế và Khảo sát - Công ty Thiết kế và XD Dầu khí.
- 03/2001 - 11/2004: Chuyên viên Tài chính Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- 12/2004 - 04/2007: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán; Kế toán Trưởng Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.
- 05/2007 - 07/2009: Kế toán Trưởng - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSb).
- 08/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSb).

3.



Ông TRẦN CHÍ DŨNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Sinh ngày: 03/05/1976 tại Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 975

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 07/1999 - 06/2002: Công ty Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Thương mại - Bộ Thương Mại.
- 06/2002 - 06/2003: Đội trưởng đội thi công - Chi nhánh Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng tại Tp Hồ Chí Minh.
- 06/2003 - 08/2005: Chuyên viên Ban quản lý Dự án Cảng PTSC - Tổng Công ty PTSC.
- 08/2005 - 08/2007: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- 02/2007 - 08/2007: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Ban quản lý Dự án Cảng PTSC.
- 08/2007 - 10/2009: Phó Giám đốc - Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp DK - Idico Long Sơn.
- 10/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB).

4.



Ông TRẦN ĐỨC HẠNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý Dự án, Kỹ sư Xây dựng.

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 35.407

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 04/2002 - 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới - Bộ Giao Thông Vận Tải.
- 12/2003 - 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển - XN Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- 12/2004 - 06/2005: Ban Dự án RuBy B - Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro.
- 06/2005 - 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu - Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- 04/2007 - 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- 11/2007 - 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 10/2009 - đến nay: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB).



Thi công chế tạo và lắp đặt tổ hợp sàn Upper Deck của Dự án HRD
cho công ty TNHH một thành viên Cơ Khí Hàng Hải - PTSC

8. BAN KIỂM SOÁT:

1.

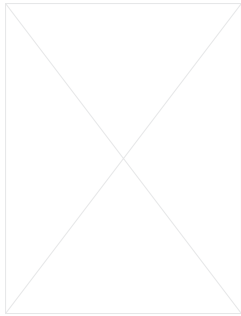


Ông NGÔ VĂN LẬP
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 11/1994 - 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập - Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- 09/1997 - 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- 08/2007 - 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- 01/2012 - đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (PVSb).

2.

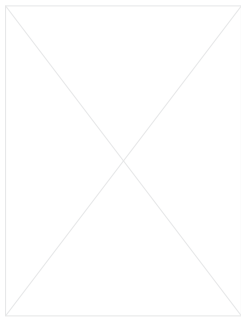


Ông CHÂU HOÀI THANH
THÀNH VIÊN
Sinh ngày: 15/08/1978 tại Đồng Nai
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 04/2002 - 10/2007: C.ty TNHH Chăn nuôi VN.
- 11/2007 - 01/2010: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tổng Công ty PTSC.
- 02/2010 - 09/2010: Trưởng phòng Quản lý Vốn và Đầu tư Tài chính - Tổng Công ty PTSC.
- 09/2010 - 04/2012: Kế toán Trưởng Công ty TNHH 1 TV Đóng tàu Nhơn Trạch.
- 05/2012 - đến nay: Phó Phòng Quản lý Vốn và Đầu tư - Tổng Công ty PTSC.

3.



Bà PHẠM THÚY NGÀ
THÀNH VIÊN
Sinh ngày: 05/12/1958 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 01/1983 - 05/1993: Chuyên viên Công ty Ô tô số 3 - Tổng Công ty Vận tải đường sông 1.
- 06/1993 - 03/1994: TP. Tài chính Thống kê - Công ty Vận tải Miền Bắc - Bộ Giao thông.
- 04/1994 - 08/2008: Kế toán Trưởng, Chủ tịch Công đoàn - Công ty Vận tải Miền Bắc.
- 09/2008 - đến nay: Phó trưởng Ban – Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

9. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

9.1. Tình hình Tài chính của Công ty qua các năm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2011
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	813.919,95	816.684,35	832.239,14
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	559.968,98	561.912,57	572.775,21
3	Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	17.893,98	13.800,37	14.229,84
4	Nợ dài hạn	Triệu đồng	236.056,99	240.971,41	245.234,09
5	Doanh thu thuần từ HĐKD	Triệu đồng	58.426,87	28.427,23	291.428,64
6	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	2.483,01	3.723,33	7.455,00
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.710,26	10.734,99	33.655,98
8	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.056,41	6.895,92	24.996,98
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	21,00	138,00	500,00

9.2. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2011
1	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	31,74	40,31	39,11
	Hệ số thanh toán hiện thời	lần	31,77	40,32	39,11
2	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	0,31	0,31	0,31
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	0,69	0,69	0,69
3	Khả năng sinh lời				
	Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (ROS)	%	1,07	7,80	6,87
	Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,19	1,23	4,36
	Lợi nhuận sau thuế /Tổng Tài sản (ROA)	%	0,13	0,84	3,00

10. QUẢN TRỊ RỦI RO:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.



Công nhân PVSb thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe - Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng QUACERT trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.



II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2013:

1.1. Hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ:

Năm 2013, HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB) đã tổ chức 4 cuộc họp và có sự tham gia đầy đủ của các Thành viên HĐQT, đạt tỷ lệ 100%; Ban hành tổng cộng 30 văn bản, trong đó có 06 Nghị quyết, 24 Quyết định để quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty. HĐQT đã chủ trì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 28/03/2013 thành công tốt đẹp với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt trên 66%. HĐQT đã bám sát các quyết nghị của Đại hội cổ đông và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

- **Trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh:** Xác định dịch vụ xây lắp cơ khí dầu khí là một lĩnh vực chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Công ty thực hiện các gói thầu xây lắp cơ khí cho các công ty và nhà thầu dầu khí đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và đang dần khẳng định thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực dịch vụ cơ khí dầu khí. Năm 2013 Công ty đã hoàn thành gói thầu “Cung cấp nhân công, vật tư và thiết bị phục vụ sửa chữa toàn bộ nội thất và một số hạng mục cho giàn khoan Tam Đảo 01” cho Nhà máy đóng tàu Dung Quất; Hợp đồng sửa chữa nội thất cho giàn West Telesto của Seadrill; Thi công gói thầu “Fabrication of Spool & spreader transportation stand & seafastening” cho PTSC-POS; Thi công gói thầu “Dịch vụ chế tạo và tổ hợp sàn Upper deck của Dự án HRD” cho PTSC-MC. Tổng giá trị thực hiện dịch vụ xây lắp cơ khí năm 2013 đạt 45,66 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 46,5% tổng doanh thu của Công ty.
- **Trong công tác đầu tư và quản lý dự án:** HĐQT đã chỉ đạo kịp thời và triển khai các giải pháp để đảm bảo sự thành công của các dự án gồm Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình; Dự án Khu Dịch vụ Dầu khí 35ha. Chỉ đạo hoàn tất các thủ tục để chấm dứt Dự án Khu Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong tại Khánh Hòa theo đúng luật định.
- **Trong công tác tài chính:** HĐQT đặc biệt quan tâm và đã chỉ đạo giám sát chặt chẽ tình hình tài chính, tăng cường công tác quản trị rủi ro, quản lý công nợ, thực hiện các biện pháp, chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí. Tài chính của Công ty lành mạnh, không để xảy ra nợ xấu, nguồn vốn của Công ty được sử dụng hiệu quả, linh hoạt nên được bảo toàn, phát triển.
- **Trong quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư:** HĐQT đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các thông tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật đối với tổ chức niêm yết. Phúc đáp và giải trình kịp thời các ý kiến của cổ đông. Các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị, ... và các tài liệu liên quan khác được công bố đúng hạn đến các cổ đông và nhà đầu tư quan tâm; đảm bảo các quyền lợi của cổ đông theo đúng Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.

1.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành:

Năm 2013, Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ trong năm tài chính 2013:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực; các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.
- Các chỉ số tài chính an toàn, đảm bảo và phát triển giá trị Vốn chủ sở hữu; dòng tiền ổn định.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ lãnh đạo, lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Tuy nhiên, để kết quả sản xuất kinh doanh đạt được những phát triển bền vững hơn nữa, Ban điều hành cần rà soát, triển khai và cải cách hệ thống quy trình làm việc; tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp, đồng bộ và thống nhất giữa các Phòng và Đội Xây lắp Dịch vụ trong quá trình tìm kiếm đối tác, khách hàng. Nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn trong bối cảnh thị trường kinh doanh ngày càng có nhiều cạnh tranh khốc liệt.

- Để thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với PVSB.
- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.



*Thi công gói thầu "Fabrication of spools & Spreader transportation & Seafastening"
cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển POS*

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng quý, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo từng lĩnh vực, thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính; phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; xem xét, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất, phạm vi và kết quả kiểm toán.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty PTSC trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

2.2. Đánh giá hoạt động:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty; Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác.
- Ban Kiểm soát xem xét kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam, xem xét ý kiến phản hồi của Ban lãnh đạo Công ty. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ.
- Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo Tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập Báo cáo Tài chính hàng quý của Ban Kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc.

2.3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Nhằm đảm bảo chiến lược phát triển bền vững, Công ty cần chú trọng công tác quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Để thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ quản lý, Công ty cần tiếp tục xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng, hoàn thiện hệ thống đánh giá công việc một cách hiệu quả, công bằng và chuyên nghiệp, đảm bảo người lao động được đãi ngộ xứng đáng và gắn bó lâu dài với PVSb.
- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách, tiết kiệm chi phí, bảo đảm tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Hội đồng quản trị họp để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. TỔNG QUAN NĂM 2013:

Kinh tế thế giới năm 2013 kết thúc với nhiều khó khăn vẫn chưa được giải quyết như khủng hoảng nợ công ở châu Âu, tranh chấp đặc quyền ở biển Đông với sự nhập cuộc và liên quan tới nhiều quốc gia ... Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam đã trải qua nhiều thách thức như đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm, bất động sản đóng băng, nợ xấu của hệ thống ngân hàng cao, kéo theo sự phá sản của nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2013 nền kinh tế Việt Nam cũng có những điểm sáng nhờ vào chính sách kinh tế vĩ mô được cải thiện như: Lạm phát được kiểm soát, lãi suất giảm, giá trị tiền đồng Việt Nam được duy trì ổn định ...

Vượt lên từ những khó khăn chung, đặc biệt được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC); Sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty PTSC và trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, cùng sự ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi của Địa phương; Xác định đúng tình hình, bám sát đầu tư và sản xuất kinh doanh, Công ty PVSb đã thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt các hợp đồng cung ứng dịch vụ cho các công ty và nhà thầu dầu khí, đẩy mạnh các hoạt động marketing tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ mới, thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Thi công Block số 4, 15, 16, Living Quarter, Stair Tower thuộc giàn khoan dầu khí tự nâng 90m nước cho PV Shipyard.

Với truyền thống đoàn kết, tinh thần làm việc nhiệt tình, năng động, sáng tạo, Công ty PVSb đã nỗ lực phấn đấu thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Năm 2013, Công ty PVSB đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch năm với Tổng doanh thu là 98,91 tỷ đồng, đạt 176% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 2,71 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước đạt 6,73 tỷ đồng. Chi tiết kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2013 của Công ty như sau:

2.1. Tình hình Tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1	Tổng tài sản	813.919.949.706	816.684.352.926
2	Vốn chủ sở hữu	559.968.980.438	561.912.572.804
3	Tổng doanh thu	98.909.444.952	88.327.213.154
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12.176.175.591	10.789.860.039
5	Lợi nhuận trước thuế	2.710.258.492	10.734.985.063
6	Lợi nhuận sau thuế	1.056.407.634	6.895.915.626
7	Nộp ngân sách nhà nước	6.732.599.143	6.895.915.626



Thi công sửa chữa Giàn khoan Tam Đảo - 01 tại Nhà máy đóng tàu Dung Quất

2.2.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Tình hình Tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I- Tài sản ngắn hạn	568.417.330.627	556.451.565.488
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	540.185.785.253	541.396.654.180
2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	25.255.440.269	11.734.133.138
4- Hàng tồn kho	456.437.207	219.173.791
5- Các tài sản ngắn hạn khác	2.519.667.898	3.101.604.379
II - Tài sản dài hạn	245.502.619.079	260.232.787.438
1- Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000
2- Tài sản cố định	33.312.610.711	43.678.856.103
3- Bất động sản đầu tư	211.747.679.479	216.482.951.335
4- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5- Tài sản dài hạn khác	439.328.889	67.980.000
Tổng tài sản	813.919.949.706	816.684.352.926

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I – Nợ phải trả	253.950.969.268	254.771.780.122
1 – Nợ ngắn hạn	17.893.981.590	13.800.373.701
2 – Nợ dài hạn	236.056.987.678	240.971.406.421
II – Vốn chủ sở hữu	559.968.980.438	561.912.572.804
1 – Vốn chủ sở hữu	559.968.980.438	561.912.572.804
2 – Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
Tổng nguồn vốn	813.919.949.706	816.684.352.926

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

3.1. Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng:

Hiện nay Công ty đang quản lý và cho thuê 02 cơ sở hạ tầng mặt bằng cho Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí PVShipyards (39,8ha) và Công ty cổ phần Kết cấu kim loại dầu khí PVC-MS (23,5ha) tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với doanh thu hàng năm đạt 11,9 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 12% tổng doanh thu năm 2013 của Công ty.



Công trường thi công chế tạo đóng mới giàn khoan 90m nước của Công ty PVShipyards tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

3.2. Dịch vụ xây lắp cơ khí dầu khí:

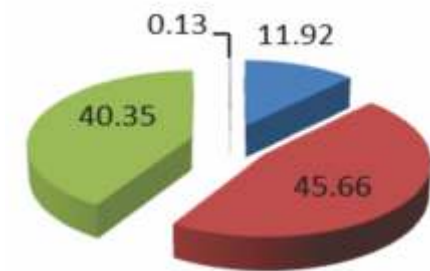
Năm 2013, Công ty đã có bước phát triển vượt bậc trong lĩnh vực dịch vụ cơ khí, xây lắp và chế tạo các công trình dầu khí cả về quy mô tổ chức, năng lực kỹ thuật, kinh nghiệm và cơ sở hạ tầng để có thể đáp ứng được những yêu cầu ngày càng đa dạng và mang tính chất phức tạp của các chủ đầu tư, nhà thầu dầu khí. Để thực hiện các công việc dịch vụ xây lắp chế tạo cơ khí dầu khí, Công ty hiện có đủ nguồn nhân lực (công nhân, kỹ sư) và điều kiện cơ sở vật chất... sẵn sàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng công trình.

Trong năm 2013 Công ty đã thực hiện các gói thầu xây lắp cơ khí, cụ thể là:

- Hoàn thành gói thầu “Cung cấp nhân công, vật tư và thiết bị phục vụ sửa chữa toàn bộ nội thất và một số hạng mục cho giàn khoan Tam Đảo 01” cho Nhà máy đóng tàu Dung Quất;
- Hoàn thành Hợp đồng thi công sửa chữa nội thất cho giàn West Telesto của Seadrill;

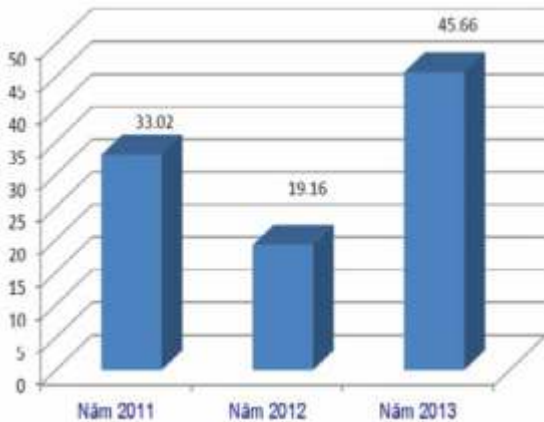
- Thi công chế tạo và lắp đặt gói thầu “Fabrication of Spool & spreader transportation stand & seafastening” cho PTSC-POS;
- Thi công chế tạo và lắp đặt gói thầu “Dịch vụ chế tạo và tổ hợp sàn Upper deck của Dự án HRD” cho Công ty TNHH 1 TV Cơ khí Hàng hải (PTSC-MC).

Với tổng giá trị thực hiện dịch vụ xây lắp cơ khí năm 2013 đạt 45,66 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 46,5% tổng doanh thu của Công ty, tăng 138% so với năm 2012 (doanh thu từ dịch vụ xây lắp cơ khí năm 2012 đạt được 19,16 tỷ đồng). Việc tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực dịch vụ cơ khí dầu khí đang dần khẳng định thương hiệu của Công ty với các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.



- Doanh thu quản lý và cho thuê cơ sở hạ tầng
- Doanh thu dịch vụ xây lắp cơ khí
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu khác

Biểu đồ cơ cấu tỷ trọng doanh thu năm 2013



Biểu đồ tăng trưởng doanh thu xây lắp cơ khí



Công nhân Công ty thi công chế tạo và lắp đặt công trình cơ khí dầu khí tại công trường



3.3. Hoạt động khác:

Ban điều hành Công ty luôn tìm cách thúc đẩy lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại cho các công ty, nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước. Triển khai các hoạt động PR, marketing để giới thiệu, quảng bá hình ảnh Công ty đến các nhà đầu tư, các công ty và nhà thầu dầu khí, các khách hàng trong và ngoài nước.



Lãnh đạo Tổng Công ty PTSC, PTSC-G&S và PVS hợp với Công ty Lọc Hóa dầu Long Sơn để tham gia cung cấp dịch vụ và điều hành cảng tạm cho dự án tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn



Giám đốc Công ty giới thiệu về các hoạt động của Công ty cho khách hàng tại Hội chợ triển lãm máy móc thiết bị và phụ liệu công nghiệp dầu khí OGAV 2013

4. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

4.1 Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình:

- Công ty đã được UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư cho Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình số 49121000147 ngày 27/09/2012; cấp Giấy phép quy hoạch số 05/GPQH ngày 26/03/2013.
- Đã được Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận bổ sung quy hoạch vào nhóm cảng biển số 5 theo Văn bản số 13602/BGTVT-KHĐT ngày 13/12/2013.
- Hiện Công ty đang tiến hành lập đồ án quy hoạch 1/500, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 và làm việc với các cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục về quyền sử dụng đất.

4.2. Dự án Khu dịch vụ Dầu khí 35ha:

Công ty hiện đang phối hợp với các Ban chuyên môn của Tổng Công ty PTSC để hoàn thiện phương án thực hiện đầu tư hiệu quả nhất trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4.3. Dự án Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong:

Công ty đã có thông báo chấm dứt bằng văn bản và ngày 09/05/2013 đã được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận cho chấm dứt triển khai Dự án. Hiện nay Công ty đã hoàn thành Hồ sơ quyết toán, thực hiện kiểm toán và thẩm tra báo cáo Quyết toán trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đến thăm và làm việc với Công ty tại công trường Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

5. KẾ HOẠCH NĂM 2014:

Công ty xây dựng kế hoạch năm 2014 với mức doanh thu 75,00 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 0,39 tỷ đồng, các chỉ tiêu tài chính cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2013
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	75,00	98,91
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,50	2,71
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,39	1,06
4	Thuế và các khoản nộp NSNN	Tỷ đồng	3,39	6,73
5	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	3,47	1,63

Để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch trên, Công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì, tận dụng và phát huy sự hỗ trợ hiệu quả của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty PTSC nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý ISO trong Công ty, đảm bảo tính khoa học và đạt hiệu quả cao.
- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng gọn nhẹ, chuyên nghiệp và hiệu quả, đi đôi với chính sách lương thưởng và các chính sách thu hút nguồn nhân lực phù hợp nhằm động viên CBCNV, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.
- Tích cực hoàn thành các hạng mục đã được phê duyệt đầu tư đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Thực hiện công tác lập và quản lý ngân sách theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty PTSC và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

IV. MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG:

1. MINH BẠCH THÔNG TIN:

Nhận thức được tầm quan trọng và xem vai trò của minh bạch thông tin là một phần không thể thiếu trong sự phát triển bền vững, lâu dài của Công ty. PVSb đã xây dựng và không ngừng cải tiến hệ thống quản trị nội bộ, quy trình trao đổi thông tin trong và ngoài Công ty, tạo sự liên kết trong nội bộ PVSb, giữa PVSb với các cổ đông, cộng đồng và xã hội.

Trong những năm qua, Công ty đã tiếp đón nhiều cổ đông, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, các đối tác chiến lược,... nhằm giới thiệu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty, cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như chia sẻ kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh của PVSb trong tương lai.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin định kỳ theo quy định như Báo cáo Tài chính, Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị,... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông tin được thường xuyên cập nhật và đăng tải trên website www.pvsb.com.vn đảm bảo tính công khai và minh bạch về hoạt động của Công ty.

Công ty đã ban hành quy trình công bố thông tin để toàn thể cán bộ công nhân viên nhận thức được vai trò của minh bạch thông tin và nắm được quy trình công bố thông tin theo đúng pháp luật, là cơ sở để quản lý hoạt động trao đổi thông tin dễ dàng hơn.

2. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG:

Trong những năm qua, công tác quan hệ cổ đông đã trở thành một cầu nối vững chắc kết nối PVSb với cộng đồng nhà đầu tư. Thông tin luôn được cung cấp trung thực, kịp thời đã mang đến cho nhà đầu tư một bức tranh rõ nét về Công ty PVSb. Và với thái độ cầu thị, PVSb đã tiếp nhận nhiều phản hồi tích cực từ cộng đồng nhà đầu tư để hoàn thiện và phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp theo xu hướng bền vững, hài hòa với lợi ích môi trường và xã hội.

Ban lãnh đạo PVSb luôn xác định hoạt động quan hệ cổ đông là hoạt động quan trọng không thể tách rời với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như xác định trách nhiệm trong việc nâng cao lòng tin của cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc minh bạch trong quản lý, chủ động cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho cộng đồng nhà đầu tư, ...

3. TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG:

Bên cạnh nỗ lực không ngừng vươn tầm lớn mạnh, PVSb cũng luôn ý thức gìn giữ và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty với phương châm:

**“ PVSb CHĂM LO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG
MANG UY TÍN THƯƠNG HIỆU TỎA RỘNG ”**

Năm 2013, Công ty PVSb và cán bộ công nhân viên đã đóng góp 352 triệu đồng để thực hiện các công tác an sinh - xã hội hướng về cộng đồng. Chung vai phát triển cộng đồng đã thực sự trở thành sứ mệnh và tâm nguyện của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV PVSb. Xuyên suốt trong năm 2013, các hoạt động an sinh - xã hội vì một cộng đồng lành mạnh đã được Công đoàn, Đoàn Thanh niên cùng toàn thể CBCNV của Công ty thực hiện liên tục và rộng khắp cả nước với mục tiêu chung tay hành động góp sức xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội....



Hình ảnh Đoàn Thanh niên Công ty kết hợp cùng Hội từ thiện Yêu Vũng Tàu tổ chức chương trình “Tiếp sức đến trường” tặng quà cho các em học sinh nghèo tại Xã Phước Tân, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



CÙNG CHUNG MỘT MÃI NHÀ
Tập Thể Ban Lãnh Đạo Tổng Công Ty PTSC Và Lãnh Đạo Các Đơn Vị Thành Viên

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch
Ông Phùng Như Dũng	Ủy viên
Ông Lê Triều Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Viết Đạt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc
Ông Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phùng Như Dũng
 Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		568.417.330.627	556.451.565.488
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	540.185.785.253	541.396.654.180
1. Tiền	111		4.185.785.253	8.396.654.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		536.000.000.000	533.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.255.440.269	11.734.133.138
1. Phải thu khách hàng	131		20.962.635.773	314.800.935
2. Trả trước cho người bán	132		194.743.386	5.886.315.537
3. Các khoản phải thu khác	135	6	4.098.061.110	5.533.016.666
III. Hàng tồn kho	140	7	456.437.207	219.173.791
1. Hàng tồn kho	141		456.437.207	219.173.791
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.519.667.898	3.101.604.379
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		180.128.744	24.997.727
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.710.268.749	1.120.854.961
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	437.804.651	1.838.624.992
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		191.465.754	117.126.699
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		245.502.619.079	260.232.787.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		33.312.610.711	43.678.856.103
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	15.640.554.369	18.733.719.671
- Nguyên giá	222		26.006.585.200	26.901.109.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.366.030.831)	(8.167.390.159)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	17.672.056.342	24.945.136.432
III. Bất động sản đầu tư	240	11	211.747.679.479	216.482.951.335
- Nguyên giá	241		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.533.106.975)	(12.797.835.119)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		10.530.000.000	10.530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		439.328.889	67.980.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		439.328.889	67.980.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		813.919.949.706	816.684.352.926

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		253.950.969.268	254.771.780.122
I. Nợ ngắn hạn	310		17.893.981.590	13.800.373.701
1. Phải trả người bán	312		11.742.203.318	1.047.847.999
2. Người mua trả tiền trước	313		-	5.750.205.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		178.597.277	-
4. Phải trả người lao động	315		1.137.558.409	6.016.786.239
5. Chi phí phải trả	316		609.162.314	140.000.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	4.026.204.035	105.522.790
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		200.256.237	740.011.633
II. Nợ dài hạn	330		236.056.987.678	240.971.406.421
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	3.278.435.434	2.989.054.393
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	232.702.361.768	237.906.161.552
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		76.190.476	76.190.476
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		559.968.980.438	561.912.572.804
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	559.968.980.438	561.912.572.804
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.510.376.314	31.510.376.314
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.670.509.746	11.670.509.746
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.788.094.378	18.731.686.744
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		813.919.949.706	816.684.352.926

Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		58.426.873.642	28.427.226.990
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10	18	58.426.873.642	28.427.226.990
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	55.943.860.603	24.703.895.044
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.483.013.039	3.723.331.946
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	40.349.225.084	59.899.986.164
6. Chi phí tài chính	22		1.672.087	10.535.780.048
7. Chi phí bán hàng	24		1.910.677.854	1.968.408.110
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.740.411.702	40.329.269.913
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.179.476.480	10.789.860.039
10. Thu nhập khác	31		133.346.226	73.537.220
11. Chi phí khác	32	22	9.602.564.214	128.412.196
12. Lãi khác (40=31-32)	40		(9.469.217.988)	(54.874.976)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.710.258.492	10.734.985.063
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.364.469.817	2.730.079.537
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	289.381.041	1.108.989.900
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.056.407.634	6.895.915.626
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		138

Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.710.258.492	10.734.985.063
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.659.102.673	7.693.204.859
Các khoản dự phòng	03	-	10.530.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	-	5.741.849
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.543.911.204)	(59.899.986.164)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	(21.174.550.039)	(30.936.054.393)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(15.619.265.006)	5.773.336.801
Thay đổi hàng tồn kho	10	(237.263.416)	(219.173.791)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(3.570.436.499)	2.074.560.609
Thay đổi chi phí trả trước	12	(285.530.434)	(82.436.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(8.253.551.305)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(539.755.396)	(3.110.783.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.426.800.790)	(34.754.102.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.554.645.217)	(2.729.182.242)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(1.241.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.371.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	41.770.577.080	63.541.423.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.215.931.863	190.812.240.833
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	-	(17.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(17.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.210.868.927)	139.058.138.532
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	541.396.654.180	402.344.257.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(5.741.849)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	540.185.785.253	541.396.654.180

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền thu từ lãi tiền gửi không bao gồm số tiền 4.015.861.110 đồng (năm 2012: 5.533.016.000 đồng), thể hiện khoản thu nhập chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Trần Thị Hồng Lan
Người lập biểu

Phạm Minh VI
Kế toán trưởng

Phùng Như Dũng
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 49121000147 ngày 27 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Giấy Chứng nhận Đầu tư này thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4903000636 ngày 07 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận đầu tư là khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, khai thác cụm cảng container, sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội bộ; cho thuê các thiết bị vận tải, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	Số năm
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản hữu hình khác	10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư và được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (03) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	81.285.457	57.474.128
Tiền gửi ngân hàng	4.104.499.796	8.339.180.052
Các khoản tương đương tiền	536.000.000.000	533.000.000.000
	540.185.785.253	541.396.654.180

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các khoản ủy thác đầu tư tại các công ty tài chính có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng với lãi suất được hưởng là 7%/năm (2012: 8% - 9%/năm).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.015.861.110	5.486.416.666
Khác	82.200.000	46.600.000
	4.098.061.110	5.533.016.666

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến hợp đồng “chế tạo tổ hợp sản Upper Deck của Dự án HRD” cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Hợp đồng này vẫn chưa được quyết toán.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa của các năm trước.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	1.467.811.000	4.479.393.486	1.373.047.413	19.580.857.931	26.901.109.830
Tăng trong năm	-	-	64.990.909	6.624.078	71.614.987
Chuyển sang công cụ, dụng cụ (*)	(98.711.000)	-	(824.270.435)	-	(922.981.435)
Thanh lý	-	-	(43.158.182)	-	(43.158.182)
Tại ngày 31/12/2013	1.369.100.000	4.479.393.486	570.609.705	19.587.482.009	26.006.585.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	464.752.290	2.398.430.750	1.054.527.630	4.249.679.489	8.167.390.159
Khấu hao trong năm	201.853.217	639.913.344	106.867.334	1.975.196.922	2.923.830.817
Chuyển sang công cụ, dụng cụ (*)	(38.312.257)	-	(643.719.706)	-	(682.031.963)
Thanh lý	-	-	(43.158.182)	-	(43.158.182)
Tại ngày 31/12/2013	628.293.250	3.038.344.094	474.517.076	6.224.876.411	10.366.030.831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	740.806.750	1.441.049.392	96.092.629	13.362.605.598	15.640.554.369
Tại ngày 31/12/2012	1.003.058.710	2.080.962.736	318.519.783	15.331.178.442	18.733.719.671

(*) Trong năm, Công ty đã kết chuyển những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong thời gian 3 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 389.547.282 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 876.799.869 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	24.945.136.432	22.746.159.751
Tăng trong năm	1.483.030.230	2.577.356.787
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(378.380.106)
Kết chuyển sang chi phí	(8.756.110.320)	-
Số dư cuối năm	17.672.056.342	24.945.136.432

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện tổng chi phí xây dựng Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình trên diện tích 160 ha đất (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.414.775.670 đồng). Tổng vốn đầu tư của dự án là 6.100.000.000.000 đồng, thời gian triển khai và hoàn thành dự kiến là từ năm 2012 đến năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/QĐ-ĐHĐCĐ-PVSB ngày 28 tháng 3 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã thống nhất "chấm dứt hoạt động đầu tư của Dự án đầu tư Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong". Đồng thời, Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng 20.000 DWT thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cũng bị chấm dứt theo Quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng Quản trị. Do đó, một khoản điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị đầu tư dở dang của 2 Dự án trên với số tiền lần lượt là 8.267.019.411 đồng và 489.090.909 đồng đã được thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Giá trị điều chỉnh giảm này cùng với thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ liên quan đến Dự án đầu tư Căn cứ Dịch vụ Công nghiệp Dầu khí Vân Phong và Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng 20.000 DWT được trình bày là một khoản chi phí khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh số 22).

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	12.797.835.119
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Tại ngày 31/12/2013	17.533.106.975
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	211.747.679.479
Tại ngày 31/12/2012	216.482.951.335
Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:	
	31/12/2013 và 31/12/2012 VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai - Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí năm 2010. Giá trị thực của khoản đầu tư này được tạm ghi nhận vào năm 2010 và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm. Năm 2011, bất động sản đầu tư này được quyết toán đầu tư và không có sự biến đổi đáng kể trong giá trị của bất động sản đầu tư này.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	10.530.000.000	10.530.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.530.000.000)	(10.530.000.000)
	<u>-</u>	<u>-</u>

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco), với số tiền đầu tư tương đương 13,16% vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, Sopewaco phát sinh khoản lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu; do đó, Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác chủ yếu liên quan tới khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao Cơ quan Thuế cho phép theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm.

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chênh lệch khấu hao
	VND
Tại ngày 01/01/2013	2.989.054.393
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	289.381.041
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.278.435.434</u>

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện dự án 39,8 ha	132.763.755.847	135.781.113.934
Doanh thu chưa thực hiện dự án 23 ha	99.938.605.921	102.125.047.618
	<u>232.702.361.768</u>	<u>237.906.161.552</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	500.000.000.000	29.648.479.095	10.980.918.183	32.145.810.619	572.775.207.897
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.895.915.626	6.895.915.626
Phân phối các quỹ	-	1.861.897.219	689.591.563	(3.310.039.501)	(758.550.719)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(17.000.000.000)	(17.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	500.000.000.000	31.510.376.314	11.670.509.746	18.731.686.744	561.912.572.804
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.056.407.634	1.056.407.634
Chi trả cổ tức	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	500.000.000.000	31.510.376.314	11.670.509.746	16.788.094.378	559.968.980.438

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung cổ tức trị giá 3.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 04 ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số cổ tức này đang được trình bày là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính (trình bày tại Thuyết minh số 13).

Vốn điều lệ	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đầu tư 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền 50 triệu cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, vốn điều lệ của Công ty là 500 tỷ đồng được chia thành 50.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần cổ đông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tình hình góp vốn điều lệ của của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2013	31/12/2012
			VND	VND
Cổ đông sáng lập				
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	210.250.000.000	42,05	210.230.500.000	210.230.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	50.924.000.000	10,18	50.924.000.000	50.924.000.000
Các cổ đông khác	238.826.000.000	47,77	238.845.500.000	238.845.500.000
	<u>500.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>500.000.000.000</u>	<u>500.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí và Bộ phận kinh doanh cụm cảng. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.

Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản dầu tư.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2013**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2013	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	243.692.291.329	24.692.083.976	268.384.375.305
Tài sản không phân bổ			545.535.574.401
Tổng tài sản			813.919.949.706
Nợ phải trả bộ phận	236.059.443.402	11.713.656.062	247.773.099.464
Nợ phải trả không phân bổ			6.177.869.804
Tổng nợ phải trả			253.950.969.268

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2013	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.203.799.784	53.223.073.858	58.426.873.642
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	5.203.799.784	53.223.073.858	58.426.873.642
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	468.527.928	2.014.485.111	2.483.013.039
Chi phí không phân bổ			(30.651.089.556)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(28.168.076.517)
Doanh thu hoạt động tài chính			40.349.225.084
Lỗ khác			(9.469.217.988)
Chi phí tài chính			(1.672.087)
Lợi nhuận trước thuế			2.710.258.492
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.364.469.817)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(289.381.041)
Lợi nhuận trong năm			1.056.407.634
Thông tin khác			
Khấu hao			7.659.102.673

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Lầu 16, Tòa nhà khách sạn Dầu khí, 9-11 đường Hoàng Diệu, Thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**Năm 2012****Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31/12/2012	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	232.447.450.495	10.310.365.735	242.757.816.230
Tài sản không phân bổ			573.926.536.696
Tổng tài sản			816.684.352.926
Nợ phải trả bộ phận	240.919.883.445	6.278.860.593	247.198.744.038
Nợ phải trả không phân bổ			7.573.036.084
Tổng nợ phải trả			254.771.780.122

Báo cáo kết quả kinh doanh

2012	Bộ phận kinh doanh cụm cảng VND	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí VND	Tổng VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.203.799.784	23.223.427.206	28.427.226.990
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	5.203.799.784	23.223.427.206	28.427.226.990
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả hoạt động kinh doanh	468.527.928	3.254.804.018	3.723.331.946
Chi phí không phân bổ			(42.297.678.023)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh			(38.574.346.077)
Doanh thu hoạt động tài chính			59.899.986.164
Lỗ khác			(54.874.976)
Chi phí tài chính			(10.535.780.048)
Lợi nhuận trước thuế			10.734.985.063
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.730.079.537)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(1.108.989.900)
Lợi nhuận trong năm			6.895.915.626
Thông tin khác			
Khấu hao			7.693.204.859

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	2013 VND	2012 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.203.799.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.223.073.858	23.223.427.206
	58.426.873.642	28.427.226.990
19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP	2013 VND	2012 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	4.735.271.856	4.735.271.856
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.208.588.747	19.968.623.188
	55.943.860.603	24.703.895.044
20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.265.738.419	8.672.456.509
Chi phí nhân công	32.434.713.085	34.095.136.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.659.102.673	7.693.204.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.963.038.620	10.627.236.946
Chi phí khác bằng tiền	6.728.794.569	6.132.711.921
	87.051.387.366	67.220.746.858
21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.300.021.524	50.392.581.722
Lãi ủy thác đầu tư, ủy thác quản lý vốn	-	9.507.166.666
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.203.560	237.776
	40.349.225.084	59.899.986.164
22. CHI PHÍ KHÁC	2013 VND	2012 VND
Ghi giảm giá trị công trình đầu tư dở dang (trình bày tại Thuyết minh số 10)	8.756.110.320	-
Thuế GTGT không được khấu trừ của dự án	845.070.524	-
Khác	1.383.370	128.412.196
	9.602.564.214	128.412.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.710.258.492	10.734.985.063
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.449.794.591)	(4.435.959.600)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	10.197.415.368	4.078.343.332
Thu nhập chịu thuế	5.457.879.269	10.377.368.795
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.364.469.817	2.594.342.199
Thuế TNDN bổ sung năm trước	-	135.737.338
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.364.469.817	2.730.079.537

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.056.407.634	6.895.915.626
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	138

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.284.875.638	3.178.888.080
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.454.236.000	3.889.512.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.756.300.000	7.012.836.000
Sau năm năm	-	98.850.000
	7.210.536.000	11.001.198.000

Khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng có thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm và khoản thanh toán cho chi phí thuê mặt bãi khu Kinh tế Sao Mai - Bến Đình với thời hạn thuê trên 5 năm.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH	
Quản lý rủi ro vốn	
Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.	
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	540.185.785.253	541.396.654.180
Phải thu khách hàng	20.962.635.773	314.800.935
Phải thu khác	4.015.861.110	5.486.416.666
Các khoản ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	565.167.282.136	547.200.871.781
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	11.742.203.318	1.047.847.999
Phải trả khác	3.991.160.495	-
Chi phí phải trả	609.162.314	140.000.000
Tổng cộng	16.342.526.127	1.187.847.999

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	657.018.088	6.759.667.624	-	-
Euro (EUR)	2.912.614	2.753.104	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đô la Mỹ tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng là 19.797.921 VND (2012: 202.790.029 VND)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	540.185.785.253	-	540.185.785.253
Phải thu khách hàng	20.962.635.773	-	20.962.635.773
Phải thu khác	4.015.861.110	-	4.015.861.110
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	565.164.282.136	3.000.000	565.167.282.136
Phải trả người bán	11.742.203.318	-	11.742.203.318
Phải trả khác	3.991.160.495	-	3.991.160.495
Chi phí phải trả	609.162.314	-	609.162.314
Tổng cộng	16.342.526.127	-	16.342.526.127
Chênh lệch thanh khoản thuần	548.821.756.009	3.000.000	548.824.756.009
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	541.396.654.180	-	541.396.654.180
Phải thu khách hàng	314.800.935	-	314.800.935
Phải thu khác	5.486.416.666	-	5.486.416.666
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	547.197.871.781	3.000.000	547.200.871.781
Phải trả người bán	1.047.847.999	-	1.047.847.999
Chi phí phải trả	140.000.000	-	140.000.000
Tổng cộng	1.187.847.999	-	1.187.847.999
Chênh lệch thanh khoản thuần	546.010.023.782	3.000.000	546.013.023.782

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC
 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam
 Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
 Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí
 Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
 Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC
 Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC
 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Chủ sở hữu
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC
 Thành viên PTSC

Bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	2013 VND	2012 VND
Cung cấp dịch vụ		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	3.300.561.671	1.375.331.980
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	4.297.219.864	3.913.801.065
Cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	8.715.207.378	17.934.294.161
Cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	14.629.646.940	-
Mua dịch vụ		
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.683.053.940	2.744.841.875
Mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	2.477.125.835	2.596.820.324
Mua dịch vụ của Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	1.254.546.600	-
Mua dịch vụ của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	675.748.139	-
Phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	107.349.851	841.399.444
Thu nhập Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:		
	2013 VND	2012 VND
Lương và thưởng	2.965.066.030	2.599.745.921
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	374.698.602	145.213.904
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.210.392.778	169.587.031
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	6.697.242.542	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC	6.091.024.394	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	668.878.364	108.735.000
Công ty Cảng dịch vụ dầu khí	1.380.001.260	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	743.322.953	-



Trần Thị Hồng Lan
 Người lập biểu



Phạm Minh VI
 Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
 Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014

trang trắng